TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2019
Về việc: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu H- ơng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Huỳnh Ph- ơng Lan**
2. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

- ***Th□ ký phiên tòa:*** Ông **Lý Văn Toán—** Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Ông **Lâm Sển**- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai công khai vụ án thụ lý số: 65/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXX-ST, ngày 03 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị T**, sinh năm 1972
Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K.
(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh **Phạm Minh C**, sinh năm 1964
Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K.
(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2019 của nguyên đơn Phan Thị T, bản tự khai của chị Phan Thị T, nội dung phiên không hoà giải đ- ợc ngày 02/4/2019, vụ án có nội dung nh- sau:

Chị Phan Thị T trình bày: Vào năm 2011, qua tự nguyện tìm hiểu và đ- ợc sự đồng ý của gia đình hai bên, tôi cùng anh Phạm Minh C tổ chức lễ c- ới vào ngày 24/02/2011 âm lịch và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; đã đ- ợc UBND xã Mong Thọ A cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84/2012, quyển số 01/2012. Trong quá trình chung sống, chúng tôi không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung. Từ lúc kết hôn với nhau, cuộc sống vợ chồng giữa tôi và anh Phạm Minh C luôn gặp nhiều bất đồng không thể giải quyết đ- ợc do anh C không lo làm ăn, chỉ rượu

chè suốt, chúng tôi đã ly thân 05 năm nay. Nay giữa chúng tôi không còn tình cảm gì nữa, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, tôi yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đ- ợc ly hôn với anh Phạm Minh C.

- Về con chung, tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Phạm Minh C theo quy định của pháp luật, nh- ng anh Phạm Minh C không hợp tác nên Tòa án không thu thập đ- ợc lời khai của anh Phạm Minh C.

Tại phiên tòa, chị Phan Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nêu trên.

 kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th- ký phiên tòa và của ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vào năm 2011, chị Phan Thị T và anh Phạm Minh C thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 21/02/2019, chị Phan Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu đ- ợc ly hôn với anh Phạm Minh C. Đây là tranh chấp "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt anh Phạm Minh C tại phiên toà: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 11/4/2019 cho anh Phạm Minh C theo quy định của pháp luật, anh Phạm Minh C vẫn vắng mặt tại phiên toà, đ- ợc sự thống nhất của chị Phan Thị T và Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Minh C theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T:

2.1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Phạm Minh C tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ c- ới vào ngày 24/02/2011 âm lịch và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã đ- ợc UBND xã Mong Thọ A cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84/2012, quyển số 01/2012 nên theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị T và anh Phạm Minh C là hôn nhân hợp pháp. Do phát sinh

mâu thuẫn vợ chồng nên chị Phan Thị T yêu cầu đ- ợc ly hôn với anh Phạm Minh C.

Xét rằng: Tuy anh Phạm Minh C không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, nhưng theo kết quả xác minh của Tòa án tại ấp V thì hiện nay anh C có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K; anh C và chị T chung sống vợ chồng vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mong Thọ A vào năm 2012, không có con chung, đã ly thân năm năm nay do anh C không có trách nhiệm với gia đình (BL 17). Qua đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Phan Thị Tvà anh Phạm Minh C đã đến mức trầm trọng, nếu tiếp tục kéo dài cũng không đạt đ- ợc mục đích của hôn nhân. Vì vậy, trên nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị T đối với anh Phạm Minh C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do chị Phan Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị T.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của □y ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Chị Phan Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Phan Thị T phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Phan Thị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009531, ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Phan Thị T không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Anh Phạm Minh C không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 8, 9, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của □y ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Phạm Minh C.

2- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do chị Phan Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

3- Về án phí: Chị Phan Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Phan Thị T phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Phan Thị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009531, ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Phan Thị T không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Anh Phạm Minh C không phải chịu án phí sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4- Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/4/2019), đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ- ợc Bản án hoặc đ- ợc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- UBND xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu H- ơng